

Bản án số: 142/2024/HS-PT

Ngày: 23/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thu Hà

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Kim Oanh - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2024/TLPT-HS ngày 01/7/2024 đối với bị cáo Hồ Đồng S do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh T.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Hồ Đồng S, sinh ngày 12/10/2002 tại thị xã N, tỉnh T.

Nơi cư trú: tổ dân phố T1, phường H, thị xã N, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Q và bà Lê Thị K; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại; có mặt.

- Người bị hại có kháng cáo: Chị Hồ Thị Hiếu K1, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: tổ dân phố T1, phường H, thị xã N, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/11/2023, chị Hồ Thị Hiếu K1 đi xe mô tô Honda Vision, biển kiểm soát 36C1-556.75 đến nhà mẹ đẻ là bà Lê Thị K ở tổ dân phố T1, phường H, thị xã N chơi. Sau khi ăn uống xong, chị K1 dựng xe mô tô ở sân, khóa cổ xe lại rồi đi ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 01/12/2023, em trai của chị K1 là Hồ Đồng S ngủ dậy, nhìn thấy chiếc xe mô tô của chị K1 dựng ở ngoài sân nên nảy sinh ý định trộm cắp cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. S đi vào phòng của chị K1, thấy chị K1 đang ngủ, S đi đến đầu giường lấy chìa khóa xe mô tô rồi đi ra sân mở khóa điện, điều khiển xe mô tô đi ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, S sử dụng nick Facebook “Hồ Đồng S” qua ứng dụng Messenger gọi điện cho Lê Thế Q1 (sinh năm 2004, trú tại tổ dân phố T2, phường H, em họ của S) sử dụng nick Facebook là “Q1 Q1 Q1”, hỏi Q1 chỗ cấm xe mô tô thì Q1 bảo S mang xe ra thành phố H1

để Q1 cầm xe chỗ người quen, S đồng ý đi xe mô tô ra thành phố H1 nhờ Q1 cầm xe. Khi ra đến thành phố H1, lúc này khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, S đi xe mô tô đến nhà văn hóa thôn A, xã U, huyện Đ, thành phố H1 gặp Q1, thì được Q1 dẫn đến cửa hàng sửa chữa xe máy “Quang T3” của anh Dương Thái T3 (sinh năm 1983, trú tại thôn A, xã U, huyện Đ, thành phố H1). Q1 vào gặp và hỏi anh T3: “Em có xe vision mới, xe không giấy tờ cầm được 15.000.000 đồng không anh?”, anh T3 nói xe không giấy tờ thì không nhận. Thấy anh T3 không nhận cầm xe không có giấy tờ nên Q1 nói không phải xe trộm cắp và xin cầm cố xe lấy 10.000.000 đồng, anh T3 vẫn không đồng ý. Thấy vậy, S nói với anh T3 sẽ để lại căn cước công dân và chỉ cầm xe vài hôm sẽ chuộc lại nên anh T3 đồng ý cho S cầm cố xe từ 2 đến 3 hôm với giá 10.000.000 đồng và lấy công 500.000 đồng. Sau khi cầm xe, S lấy số điện thoại của Q1 để gửi cho chị gái liên hệ ra chuộc xe và dặn Q1 nếu ai gọi thì báo số tiền chuộc xe là 15.000.000 đồng, Q1 đồng ý.

Đến sáng ngày 02/12/2023, S bảo Q1 nếu chị gái S gọi điện chuộc xe thì báo thêm 5.000.000 đồng, Q1 đồng ý đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh T3 nói anh T3 báo cho người nhà S số tiền chuộc xe là 15.500.000 đồng, sau khi lấy được tiền thì đưa lại cho S 5.000.000 đồng, anh T3 đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, chị K1 gọi điện cho Q1 hỏi số tiền chuộc xe, Q1 báo số tiền chuộc xe là 15.500.000 đồng như đã thống nhất với S trước đó và hẹn chị K1 18 giờ cùng ngày đến nhà văn hóa thôn A, xã U, huyện Đ, thành phố H1 để chuộc xe. Do không có đủ tiền, đồng thời cũng không tin S có thể cầm cố chiếc xe được số tiền lớn như vậy nên chị K1 không có ý định đưa tiền để chuộc xe mà đến Công an xã U, huyện Đ trình báo sự việc và nhờ hỗ trợ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, chị K1 đến nơi hẹn gặp Q1 thì được Q1 đưa đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh T3. Sau khi kiểm tra xe và căn cước công dân của S, chị K1 xác nhận đúng xe của mình bị trộm cắp, cùng lúc này tổ công tác Công an xã U đến kiểm tra và yêu cầu anh T3, chị K1, Q1 về trụ sở làm việc.

Qua kiểm tra, xác minh thông tin, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N nên Công an xã U đã báo cáo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS, ngày 12 tháng 01 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã N kết luận: “Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision phiên bản thường, BKS 36C1- 556.75, số máy: JK03E0663314 số khung: RLHJK0315NY041008, màu sơn: xanh, đen xe được sử dụng từ tháng 9/2023, vẫn hoạt động bình thường có giá trị là 27.000.000đ”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh T đã quyết định: Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt: Hồ Đồng S 12 (mười hai) tháng tù tị về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngày 28/5/2024, bị cáo Hồ Đồng S làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt và được hưởng án treo.

Ngày 03/6/2024, bị hại Hồ Thị Hiếu K1 kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hồ Dòng S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu thu thập tại cấp sơ thẩm có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: khoảng 09 giờ ngày 01/12/2023 tại gia đình bà Lê Thị K ở tổ dân phố T1, phường H, thị xã N, tỉnh T, Hồ Dòng S đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, đen, biển kiểm soát 36C1-556.75, trị giá 27.000.000đ của chị Hồ Thị Hiếu K1 (là chị gái bị cáo, đến nhà mẹ đẻ là bà Lê Thị K chơi từ tối 30/11/2023 sau đó ngủ lại nhà bà K), sau đó S đem xe ra H1 cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do có hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ Dòng S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo - là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 tháng tù là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, người bị hại là chị gái bị cáo, sau khi xét xử sơ thẩm tiếp tục có đơn kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người tốt, đồng thời không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và bị hại.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và bị hại. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

* **Xử phạt** Bị cáo Hồ Đồng S 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hồ Đồng S cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

* **Án phí:** Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh T;
- TAND TX. N;
- VKSND TX. N;
- CQCSĐT Công an TX. N;
- CQTHAHS Công an TX. N;
- Chi cục THADS TX. N;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Hùng